TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1210/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên toà: Không.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 431/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 561/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978
Địa chỉ: Tổ N, Ấp 6B, xã BM, huyện CC, Thành phố H. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc A, sinh năm 1972
Địa chỉ: Tổ N, Ấp 6B, xã BM, huyện CC, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày như sau:

Bà và ông A tự nguyện kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2000, Quyển số: I ngày 19/7/2000. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020, do vợ chồng ít trao đổi, không tin tưởng nhau, ông A còn có lời lẽ xúc phạm đến bà. Cha mẹ hai bên cũng không thể giúp được vợ chồng để hàn gắn tình cảm. Sự việc kéo dài nhiều năm, bà và ông A đã sống ly thân từ năm 2021. Bà cũng ra ngoài ở riêng từ năm

2023 cho đến nay. Hiện bà không còn tình cảm gì với ông A, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Bà không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 2001 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động) và Nguyễn Nhật Khánh Đ, sinh ngày 16/9/2015. Bà có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng từ 9.000.000đ (Chín triệu đồng) đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đủ khả năng nuôi con. Do đó, bà xin trực tiếp nuôi cháu Đ và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc A đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 09 tháng 4 năm 2024, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông A có nơi cư trú tại Ấp 6B, xã BM, huyện CC, Thành phố H. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T:

Bà T và ông A có tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân vào năm vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2000, Quyển số: I ngày 19/7/2000, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà T trình bày, năm 2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do cả hai ít trao đổi, không tin tưởng nhau. Ông A còn có lời lẽ xúc phạm đến bà. Sự việc kéo dài nhiều năm, bà và ông A đã sống ly thân từ năm 2021, bà cũng ra ngoài ở riêng từ năm 2023 cho đến nay. Hiện bà không còn tình cảm gì với ông A. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn ông A vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện ông A không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, bà T xác định bà và ông A đã sống ly thân từ năm 2021. Xét thấy, bà T và ông A không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà T và ông A có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 2001 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động) và Nguyễn Nhật Khánh Đ, sinh ngày 16/9/2015. Bà T xin trực tiếp nuôi con chung tên Khánh Đ. Do ông A vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông A đối với vấn đề con chung. Bà T có công việc ổn định, có khả năng về kinh tế để chăm lo cho con. Bên cạnh đó, qua tham khảo ý kiến của cháu Đ, cháu có nguyện vọng sinh sống với bà T, và hiện cháu cũng đang sinh sống cùng bà T. Nhằm tạo điều kiện để cháu Đ phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Đ, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Đ cho bà Tuyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5]. Về tài sản chung: Bà T xác định không có. Về nợ chung: Bà T xác định không có. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Bị đơn ông A vắng mặt, nếu có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quốc A.

2. Về con chung: Bà T và ông A có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 2001 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động) và Nguyễn Nhật Khánh Đ, sinh ngày 16/9/2015. Giao bà T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Nhật Khánh Đ, sinh ngày 16/9/2015. Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định không có. Về nợ chung: Bà T xác định không có. Do ông A vắng mặt, nếu ông A có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015108 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Túy Phượng